

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ARTEX**

Kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2014

**Được soát xét bởi:
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ THĂNG LONG - T.D.K**



MỤC LỤC

STT	Nội dung	Trang
1	Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	1 – 3
2	Báo cáo kết quả công tác soát xét	4
3	Báo cáo tài chính đã được soát xét	
-	<i>Bảng cân đối kế toán giữa niên độ</i>	5 – 7
-	<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ</i>	08 – 09
-	<i>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ</i>	10
-	<i>Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ</i>	11
-	<i>Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ</i>	12 – 29

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Artex trình bày báo cáo của mình và báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty kết thúc ngày 30/06/2014.

KHÁI QUÁT CHUNG VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán Artex (sau đây viết tắt là "Công ty") được thành lập và hoạt động theo Quyết định số 85/UBCK-GP ngày 03/3/2008; Quyết định điều chỉnh số 141/UBCK-GP ngày 16/7/2008; Quyết định điều chỉnh số 370/UBCK-GP ngày 22/11/2010; Quyết định điều chỉnh số 01/GPĐC-UBCK ngày 11/1/2011; Quyết định điều chỉnh số 47/GPĐC-UBCK ngày 08/8/2011; Quyết định điều chỉnh số 71/GPĐC-UBCK ngày 20/1/2012 và Quyết định điều chỉnh số 107/GPĐC-UBCK ngày 16/8/2012; Giấy phép điều chỉnh số 39/GPĐC-UBCK ngày 4/9/2013 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Công ty được Cục thuế thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký thuế mã số 0102669368 ngày 11/3/2008.

Công ty thành lập Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 1129/QĐ-UBCK ngày 25 tháng 12 năm 2012 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Vốn điều lệ theo Quyết định 85/UBCK-GP ngày 03/3/2008 là: **135.000.000.000 VND (Bằng chữ: Một trăm ba mươi lăm tỷ đồng).**

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ: Tầng 5 Toà nhà FLC Landmark Tower, đường Lê Đức Thọ, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

Các đơn vị trực thuộc

Công ty Cổ phần Chứng khoán Artex - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ: Số 86-88 Phố Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Lĩnh vực kinh doanh: Kinh doanh chứng khoán.

Ngành nghề kinh doanh:

- Môi giới chứng khoán;
- Tự doanh chứng khoán;
- Tư vấn đầu tư chứng khoán.

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Công ty tại ngày lập báo cáo:

Các thành viên Hội đồng quản trị:

Ông Nguyễn Thanh Bình	Chủ tịch	Bầu ngày 15 tháng 05 năm 2014
Bà Trần Thị Chung	Ủy viên	Bầu ngày 15 tháng 05 năm 2014
Ông Nguyễn Văn Thanh	Ủy viên	Bầu ngày 15 tháng 05 năm 2014
Ông Lưu Đức Quang	Ủy viên	Bầu ngày 15 tháng 05 năm 2014
Bà Nguyễn Thị Huyền	Ủy viên	Bầu ngày 15 tháng 05 năm 2014

Các thành viên Ban kiểm soát:

Ông Nguyễn Tiến Dũng	Trưởng ban	Bầu ngày 15 tháng 05 năm 2014
Bà Phạm Thị Hải Ninh	Thành viên	Bầu ngày 15 tháng 05 năm 2014
Ông Nguyễn Thanh Tùng	Thành viên	Bầu ngày 15 tháng 05 năm 2014

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc:

Ông Lưu Đức Quang	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 16 tháng 05 năm 2014
-------------------	---------------	------------------------------------

CÁC SỰ KIỆN QUAN TRỌNG PHÁT SINH TRONG KỲ VÀ SAU NGÀY KHOÁ SỔ KẾ TOÁN

- Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013 họp ngày 15 tháng 05 năm 2014 đã ra những quyết định quan trọng sau:

+ Thông qua việc miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát cũ, đồng thời bầu ra Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát mới của Công ty.

+ Thông qua mức chi trả thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát áp dụng cho năm 2014.

+ Thông qua việc bổ nhiệm ông Lưu Đức Quang làm Tổng giám đốc Công ty từ ngày 16 tháng 05 năm 2014 (Theo Nghị quyết số 40/2014/NQ-HĐQT-ART ngày 16 tháng 05 năm 2014 của Hội đồng quản trị).

+ Thông qua việc hợp tác đầu tư vào dự án Xây dựng khu Golf – Resort – Vui chơi giải trí cao cấp hồ Cẩm Quỳnh, huyện Ba Vì, Thành phố Hà Nội. Theo đó, Công ty đã ký Hợp đồng đầu tư vốn số 01/ART-G&R ngày 23/06/2014 với Công ty cổ phần FLC Golf & Resort số tiền 119.000.000.000 đồng với thời hạn hợp tác là 3 tháng, lợi tức đầu tư vốn được tính dựa trên hiệu quả dự án.

- Theo các quyết định của Hội đồng quản trị Công ty, kể từ ngày 10/07/2014, bà Trần Thị Thu Hà sẽ giữ chức vụ Phụ trách kế toán thay cho ông Nguyễn Thiện Phú.

- Trong kỳ, cổ đông lớn của Công ty là ông Đường Ngọc Hà đã chuyển nhượng toàn bộ số cổ phần sở hữu là 2.000.000 cổ phần cho các đối tượng sau:

+ Ông Nguyễn Văn Thanh nhận chuyển nhượng 1.000.000 cổ phần (Số cổ phần sau chuyển nhượng là 1.008.000 cổ phần chiếm tỷ lệ 7,47% số cổ phần của Công ty)

+ Ông Nguyễn Văn Mạnh nhận chuyển nhượng 1.000.000 cổ phần (Số cổ phần sau chuyển nhượng là 1.010.000 cổ phần chiếm tỷ lệ 7,48% số cổ phần của Công ty)

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Thăng Long – T.D.K là Công ty kiểm toán có đủ năng lực được lựa chọn. Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Thăng Long – T.D.K bày tỏ nguyện vọng được tiếp tục kiểm toán báo cáo tài chính cho Công ty trong những kỳ kế toán tiếp theo.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định những vấn đề sau đây:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục. Công ty tiếp tục hoạt động và thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của mình trong kỳ kế toán tiếp theo;
- Các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác;
- Kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán này đến ngày lập Báo cáo tài chính, chúng tôi khẳng định rằng không phát sinh bất kỳ một sự kiện nào khác có thể ảnh hưởng đáng kể đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính và ảnh hưởng tới hoạt động của Công ty cho năm tài chính tiếp theo.

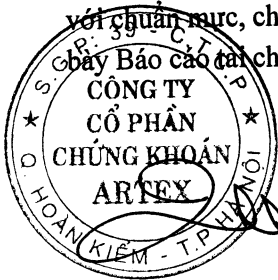
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ARTEX

Địa chỉ: phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

- Công ty không thực hiện các giao dịch có liên quan đến các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban điều hành của Công ty. Các đối tác của Công ty là các tổ chức tín dụng, định chế tài chính, các doanh nghiệp và các cá nhân hoàn toàn độc lập với Công ty. Công ty cũng như các đối tác của Công ty cũng không sở hữu cổ phiếu của bên kia cũng như là thành viên HĐQT, BKS, Ban điều hành của phía đối tác.
- Chúng tôi cam kết các thông tin trên là trung thực, được phản ánh đầy đủ, đúng với các số liệu kế toán của Công ty trong kỳ.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ, tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2014, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình



Lưu Đức Quang

Tổng Giám đốc

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ARTEX

Hà Nội, ngày 28 tháng 07 năm 2014



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ THĂNG LONG - T.D.K

THANGLONG - T.D.K AUDITING AND VALUATION COMPANY

Trụ sở chính tại Hà Nội : Sân KT - TM và DV khu nhà ở CBCS CSITT - CAHN, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội - Tel: (04) 44 500 668 - Fax: (04) 44 500 669
Chi nhánh Miền nam : C14, Quang Trung, phường 11 - Tel: (08)3 589 7462 - Fax: (08)3 589 7464
Chi nhánh Quận 1 - TP. HCM : Số 28 Đặng Tất, quận 1, TP. HCM - Tel: (08)3 848 0763 - Fax: (08)3 526 7187
Chi nhánh Đà Nẵng : Số 42 Trần Tông, TP. Đà Nẵng - Tel: (0511)3 651 818 - Fax: (0511)3 651 868
Chi nhánh Lạng Sơn : Tô 2, khối 14, đường Bà Triệu - Tel: (025)3 718 545 - Fax: (025)3 716 264

Số : 147.2 / 2014 / BCKT - TC

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT

Về Báo cáo tài chính giữa niên độ kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2014
của Công ty Cổ phần Chứng khoán Artex

**Kính gửi: Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Chứng khoán Artex**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty Cổ phần Chứng khoán Artex được lập ngày 28 tháng 07 năm 2014 gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2014 được trình bày từ trang 05 đến trang 29 kèm theo.

Việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ này thuộc trách nhiệm của Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính giữa niên độ này căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 về công tác soát xét báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính giữa niên độ không còn chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2014

Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Thăng Long - T.D.K



TỪ QUỲNH HẠNH

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 0313-2013-045-1

Kiểm toán viên

PHAN VĂN THUẬN

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 2024-2013-045-1

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ARTEX

Địa chỉ: phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ kết thúc ngày 30/6/2014

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2014

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã Số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A- TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		121.495.356.628	140.672.877.601
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		8.188.210.081	12.347.914.805
1. Tiền	111	V.01	8.188.210.081	12.347.914.805
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		109.353.627.042	121.950.346.736
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.02	109.587.204.112	122.264.380.719
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(233.577.070)	(314.033.983)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	V.03	2.239.162.788	6.349.192.728
1. Phải thu khách hàng	131		141.000.000	141.000.000
2. Trả trước cho người bán	132		1.452.581.328	368.632.500
4. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	135		29.795.946.541	29.815.450.117
5. Các khoản phải thu khác	138		622.091.312	622.091.312
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(29.772.456.393)	(24.597.981.201)
IV. Hàng tồn kho	140		0	0
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.714.356.717	25.423.332
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.04	1.614.812.585	10.247.000
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		0	0
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.05	99.544.132	15.176.332
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		2.379.842.583	2.590.062.713
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		0	0
II. Tài sản cố định	220		73.306.136	144.442.136
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.06	73.306.136	144.442.136
- Nguyên giá	222		9.278.926.988	9.278.926.988
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(9.205.620.852)	(9.134.484.852)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.07	0	0
- Nguyên giá	228		3.963.125.948	3.963.125.948
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3.963.125.948)	(3.963.125.948)
III. Bất động sản đầu tư	240		0	0
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		0	0
V. Tài sản dài hạn khác	260		2.306.536.447	2.445.620.577
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.08	77.464.386	216.548.516
3. Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	263		2.229.072.061	2.229.072.061
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		123.875.199.211	143.262.940.314

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ARTEX

Địa chỉ: phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

*Báo cáo tài chính giữa niên độ kết thúc ngày 30/6/2014***BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)***Tại ngày 30 tháng 06 năm 2014**Đơn vị tính: VND*

NGUỒN VỐN	Mã Số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A- NỢ PHẢI TRẢ	300		50.141.625.898	61.638.084.160
I. Nợ ngắn hạn	310		50.141.625.898	61.638.084.160
2. Phải trả người bán	312	V.09	232.715.200	702.210.708
3. Người mua trả tiền trước	313		1.509.700.000	888.700.000
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.10	440.792.727	301.328.129
5. Phải trả người lao động	315		793.461.444	662.570.381
6. Chi phí phải trả	316	V.11	838.925.000	3.728.925.000
8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.12	30.126.237.027	30.124.813.524
9. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	320		15.747.834.402	24.825.902.135
10. Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	321		48.899.565	573.750
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		403.060.533	403.060.533
II. Nợ dài hạn	330		0	0
B- VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		73.733.573.313	81.624.856.154
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.13	73.733.573.313	81.624.856.154
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		135.000.000.000	135.000.000.000
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		539.355.743	539.355.743
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		539.355.742	539.355.742
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(62.345.138.172)	(54.453.855.331)
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		0	0
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		123.875.199.211	143.262.940.314

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ARTEX

Địa chỉ: phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ kết thúc ngày 30/6/2014**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2014

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1. Tài sản cố định thuê ngoài	001		0	0
2. Vật tư, chứng chỉ có giá nhận giữ hộ	002		0	0
3. Tài sản nhận ký cược	003		0	0
4. Nợ khó đòi đã xử lý	004		0	0
5. Ngoại tệ các loại	005		0	0
6. Chứng khoán lưu ký	006		31.237.660.000	449.170.270.000
Trong đó:				
6.1. Chứng khoán giao dịch	007		30.861.860.000	303.473.040.000
6.1.1. Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	008		58.780.000	58.670.000
6.1.2. Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	009		30.803.080.000	303.414.370.000
6.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	012		0	50.000.000
6.2.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước	014		0	50.000.000
6.5. Chứng khoán chờ thanh toán	027		375.800.000	145.632.000.000
6.5.2. Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước	029		375.800.000	145.632.000.000
6.7. Chứng khoán chờ giao dịch	037		0	15.230.000
6.7.2. Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng trong nước	039		0	15.230.000
7. Nợ phải trả chờ xử lý			30.000.000.00	30.000.000.000

Người lập

Phụ trách kế toán

TRẦN THỊ THU HÀ

TRẦN THỊ THU HÀ



Lập, ngày 28 tháng 07 năm 2014

Tổng Giám đốc

LƯU ĐỨC QUANG

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ARTEX

Địa chỉ: phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ kết thúc ngày 30/6/2014

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 2 năm 2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý II năm 2014	Quý II năm 2013	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
					Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu	1	VI.14	772.868.015	8.594.969.070	1.462.897.811	14.963.337.023
<i>Trong đó:</i>						
- Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	01.1		590.152.008	950.818.758	1.188.168.649	1.016.154.313
- Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	01.2		305.097	243.753	417.397	493.893
- Doanh thu hoạt động tư vấn	01.5		136.363.636	272.727.272	195.454.536	272.727.272
- Doanh thu lưu ký chứng khoán	01.6		20.344.306	80.917.845	31.563.986	174.119.536
- Doanh thu khác	01.9		25.702.968	7.290.261.442	47.293.243	13.499.842.009
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2		0	0	0	0
3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	10		772.868.015	8.594.969.070	1.462.897.811	14.963.337.023
4. Chi phí hoạt động kinh doanh	11	VI.15	388.837.597	3.118.610.515	647.570.936	6.954.434.189
5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh	20		384.030.418	5.476.358.555	815.326.875	8.008.902.834
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.16	6.820.170.821	5.456.931.463	8.782.693.421	8.050.507.881
7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(6.436.140.403)	19.427.092	(7.967.366.546)	(41.605.048)
8. Thu nhập khác	31		78.283.705	0	78.283.705	163.206.932
9. Chi phí khác	32		2.200.000	0	2.200.000	0
10. Lợi nhuận khác	40		76.083.705	0	76.083.705	163.206.932
11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(6.360.056.698)	19.427.092	(7.891.282.841)	121.601.885
12. Chi phí thuế thu nhập hiện hành	51		0	4.856.773	0	4.856.773
13. Chi phí thuế thu nhập hoãn lại	52		0	0	0	0
14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(6.360.056.698)	14.570.319	(7.891.282.841)	116.745.112
15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		(471)	1	(585)	9

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ARTEX

Địa chỉ: phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ kết thúc ngày 30/6/2014

Người lập



TRẦN THỊ THU HÀ

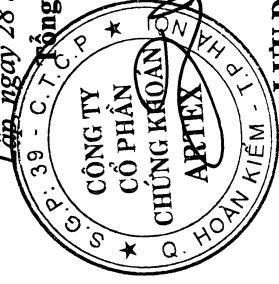
Phụ trách kế toán



TRẦN THỊ THU HÀ

Lập ngày 28 tháng 07 năm 2014

Phòng Giám đốc



LƯU ĐỨC QUANG

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ARTEX

Địa chỉ: phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ kết thúc ngày 30/6/2014**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ****Quý 2 năm 2014****(Theo phương pháp trực tiếp)**

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ hoạt động kinh doanh	01		1.414.246.537	11.293.413.814
2. Tiền chi hoạt động kinh doanh	02		(905.355.770)	(1.335.160.946)
4. Tiền thu giao dịch chứng khoán khách hàng	06		612.255.165.219	270.659.919.438
5. Tiền chi trả giao dịch chứng khoán khách hàng	07		(619.053.829.965)	(270.339.489.014)
7. Tiền chi trả tổ chức phát hành chứng khoán	09		(1.075.600.000)	-
8. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	10		(8.339.710.256)	(2.822.276.169)
9. Tiền chi trả cho người lao động	11		(562.729.094)	(1.397.446.629)
12. Tiền thu khác	14		690.086.499	872.171.035
13. Tiền chi khác	15		(1.210.641.828)	(12.784.339.279)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(16.788.368.658)	(5.853.207.750)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(30.000.000.000)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		42.600.000.000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		28.663.934	6.151.734.703
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		12.628.663.934	6.151.734.703
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		(4.159.704.724)	298.526.953
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		12.347.914.805	3.357.391.296
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70		8.188.210.081	3.655.918.249

Người lập

Phụ trách kế toán

Lập ngày 28 tháng 07 năm 2014

CÔNG TY
CỔ PHẦN
CHỨNG KHOÁN
ARTEX

Tổng Giám đốc

TRẦN THỊ THU HÀ

TRẦN THỊ THU HÀ

LƯU ĐỨC QUANG

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ARTEX

Địa chỉ: phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ kết thúc ngày 30/6/2014

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU GIỮA NIÊN ĐỘ

Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số dư đầu		Số tăng/ giảm						Số dư cuối	
		Năm trước	Kỳ này	Năm trước		Kỳ này		Năm trước	Kỳ này	Năm trước	Kỳ này
				Tăng	Giảm	Tăng	Giảm				
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8		
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		135.000.000.000	135.000.000.000	0	0	0	0	135.000.000.000	135.000.000.000		
3. Vốn khác của chủ sở hữu		0	0	0	0	0	0	0	0		
8. Quỹ dự phòng tài chính		539.355.743	539.355.743	0	0	0	0	539.355.743	539.355.743		
9. Các Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		539.355.742	539.355.742	0	0	0	0	539.355.742	539.355.742		
10. Lợi nhuận chưa phân phối		1.341.385.254	(54.453.855.331)	0	55.795.240.585	0	7.891.282.841	(54.453.855.331)	(62.345.138.172)		
Cộng		137.420.096.739	81.624.856.154	0	55.795.240.585	0	7.891.282.841	81.624.856.154	73.733.573.313		

Người lập

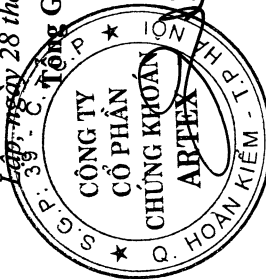
TRẦN THỊ THU HÀ

Phụ trách kế toán

TRẦN THỊ THU HÀ

Lập từ ngày 28 tháng 07 năm 2014

Tổng Giám đốc



LƯU ĐỨC QUANG

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ *Quý 2 năm 2014*

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY.

1. Hình thức sở hữu vốn:

Công ty Cổ phần Chứng khoán Artex (sau đây viết tắt là “Công ty”) được thành lập và hoạt động theo Quyết định số 85/UBCK-GP ngày 03/3/2008; Quyết định điều chỉnh số 141/UBCK-GP ngày 16/7/2008; Quyết định điều chỉnh số 370/UBCK-GP ngày 22/11/2010; Quyết định điều chỉnh số 01/GPĐC-UBCK ngày 11/1/2011; Quyết định điều chỉnh số 47/GPĐC-UBCK ngày 08/8/2011; Quyết định điều chỉnh số 71/GPĐC-UBCK ngày 20/1/2012 và Quyết định điều chỉnh số 107/GPĐC-UBCK ngày 16/8/2012; Giấy phép điều chỉnh số 39/GPĐC-UBCK ngày 4/9/2013 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Công ty được Cục thuế thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký thuế mã số 0102669368 ngày 11/3/2008.

Công ty thành lập Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 1129/QĐ-UBCK ngày 25 tháng 12 năm 2012 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Vốn điều lệ theo Quyết định 85/UBCK-GP ngày 03/3/2008 là: **135.000.000.000 VND (Bằng chữ: Một trăm ba mươi lăm tỷ đồng).**

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ: Tầng 5 Toà nhà FLC Landmark Tower, đường Lê Đức Thọ, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

Các đơn vị trực thuộc

Công ty Cổ phần Chứng khoán Artex - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ: Số 86-88 Phố Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Lĩnh vực kinh doanh: Kinh doanh chứng khoán.

3. Ngành nghề kinh doanh:

- Môi giới chứng khoán;
- Tự doanh chứng khoán;
- Tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán;
- Lưu ký chứng khoán.

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN.

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm;

Kỳ kế toán này bắt đầu từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (Ký hiệu là VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG.

Chế độ kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng Chế độ kế toán áp dụng cho các công ty chứng khoán ban hành theo Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24/10/2008, Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20/10/2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Thông tư 95/2008/TT-BTC của Bộ Tài chính, các quyết định ban hành Chuẩn mực kế toán Việt Nam, các Thông tư hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành có hiệu lực đến thời điểm kết thúc niên độ kế toán lập báo cáo tài chính niên độ.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ARTEX

Địa chỉ: phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ kết thúc ngày 30/6/2014

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán: Trên máy vi tính.

IV. CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền:

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán.

Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán phản ánh các khoản ký quỹ cho việc thực hiện các giao dịch huỷ lệnh, sửa lệnh và khớp lệnh tại Trung tâm giao dịch chứng khoán và Trung tâm lưu ký chứng khoán.

1.1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế của ngân hàng giao dịch tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Toàn bộ chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động sản xuất kinh doanh, kể cả hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản được hạch toán ngay vào chi phí tài chính hoặc doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ.

Tại thời điểm cuối năm tài chính các khoản mục tiền, công nợ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản công bố tại thời điểm lập báo cáo tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ, công nợ tại thời điểm cuối năm được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong kỳ.

1.2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tương đương tiền:

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác:

2.1. Nguyên tắc ghi nhận:

Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ, phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng (nếu có), và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm được phân loại là Tài sản ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm được phân loại là Tài sản dài hạn.

Phải thu khách hàng

Phải thu khách hàng bao gồm phải thu phí dịch vụ, cung cấp dịch vụ cho nhà đầu tư, phải thu tiền bán chứng khoán tự doanh chưa niêm yết.

Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán

Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán bao gồm phải thu Trung tâm lưu ký chứng khoán về tiền bán chứng khoán của khách hàng, phải thu khách hàng về hoạt động giao dịch chứng khoán, phải thu phí môi giới chứng khoán, phải thu khác.

2.2. Lập dự phòng phải thu khó đòi:

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản nợ phải thu có khả năng không được khách hàng thanh toán đối với các khoản phải thu tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ARTEX

Địa chỉ: phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ kết thúc ngày 30/6/2014

Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán thực hiện theo đúng hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính cụ thể như sau:

- + 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
- + 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
- + 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- + 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu từ 3 năm trở lên.

Số trích lập bổ sung dự phòng phải thu khó đòi trong kỳ là: 5.174.475.192 đồng.

3. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định:

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, vô hình: Tài sản cố định được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, vô hình: Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính và được ước tính như sau:

- Máy móc, thiết bị 3 năm

4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

4.1. Nguyên tắc ghi nhận

Đầu tư chứng khoán ngắn hạn

Đầu tư chứng khoán ngắn hạn (cổ phiếu, trái phiếu,...) được ghi nhận theo giá gốc. Các khoản cổ tức và trái tức nhận được trong năm được ghi nhận giảm giá vốn chứng khoán đối với khoản lãi dồn tích trước ngày mua và ghi tăng doanh thu đầu tư đối với phần lãi kể từ ngày mua.

Đầu tư chứng khoán dài hạn

Đầu tư chứng khoán dài hạn (cổ phiếu, trái phiếu,...) được phân loại thành chứng khoán sẵn sàng để bán và được ghi nhận theo giá gốc. Các khoản cổ tức và trái tức nhận được trong năm được ghi nhận giảm giá vốn chứng khoán đối với khoản lãi dồn tích trước ngày mua và ghi tăng doanh thu đầu tư đối với phần lãi kể từ ngày mua.

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là “tương đương tiền”;
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm được phân loại là tài sản dài hạn.

4.2. Lập dự phòng các khoản đầu tư tài chính

Dự phòng các khoản đầu tư tài chính dài hạn:

Dự phòng đầu tư cho mỗi khoản đầu tư tài chính bằng số vốn đã đầu tư và tính theo công thức sau:

$$\begin{array}{l} \text{Mức dự} \\ \text{phòng tổn} \\ \text{thất các} \\ \text{khoản đầu} \\ \text{tư tài chính} \end{array} = \left| \begin{array}{l} \text{Vốn góp thực tế} \\ \text{của các bên tại} \\ \text{tổ chức kinh tế} \end{array} \right. - \left. \begin{array}{l} \text{Vốn chủ} \\ \text{sở hữu thực} \\ \text{có} \end{array} \right| \times \frac{\text{Vốn đầu tư của doanh nghiệp}}{\text{Tổng vốn góp thực tế của các} \\ \text{bên tại tổ chức kinh tế}}$$

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ARTEX

Địa chỉ: phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ kết thúc ngày 30/6/2014

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn :

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được tính cho mỗi loại chứng khoán và tính theo công thức sau:

$$\begin{array}{l} \text{Mức dự phòng} \\ \text{giảm giá đầu tư} \\ \text{chứng khoán} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Số lượng chứng khoán} \\ \text{bị giảm giá tại thời} \\ \text{điểm lập báo cáo tài} \\ \text{chính} \end{array} \times \left(\begin{array}{l} \text{Giá chứng} \\ \text{khoán hạch} \\ \text{toán trên sổ kế} \\ \text{toán} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Giá chứng} \\ \text{khoán thực tế} \\ \text{trên thị trường} \end{array} \right)$$

- Đối với chứng khoán đã niêm yết:

+ Giá chứng khoán thực tế trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) là giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng.

+ Giá chứng khoán thực tế trên Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) là giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng.

- Đối với các loại chứng khoán chưa niêm yết:

+ Giá chứng khoán thực tế đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày lập dự phòng.

+ Giá chứng khoán thực tế chưa đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch của các công ty đại chúng được xác định là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch được cung cấp tối thiểu bởi ba (03) công ty chứng khoán tại thời điểm lập dự phòng.

Trường hợp không thể xác định được giá trị thị trường của chứng khoán thì không được trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán.

- Đối với những chứng khoán niêm yết bị huỷ giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi là giá trị sổ sách tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất.

Số hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn trong kỳ là: 80.456.913 đồng.

5. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí hoạt động kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí hoạt động kinh doanh trong năm tài chính, bao gồm:

- Chi phí thuê văn phòng
- Chi phí khác.

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm:

- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;
- Chi phí khác.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí hoạt động kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

6. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm được phân loại là Nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm được phân loại là Nợ dài hạn.

Tài sản thiếu chờ xử lý được phân loại là Nợ ngắn hạn.

Thuế thu nhập hoãn lại được phân loại là Nợ dài hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ARTEX

Địa chỉ: phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ kết thúc ngày 30/6/2014

Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu.

Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu phản ánh số phải trả và tình hình thanh toán cổ tức, gốc và lãi trái phiếu mà công ty phải trả cho các chủ sở hữu chứng khoán do tổ chức phát hành chứng khoán ủy quyền. Phải trả hộ cổ tức cho cổ đông phản ánh số phải trả và tình hình thanh toán cổ tức, lãi chia cho cổ đông, người góp vốn, bên góp vốn của công ty chứng khoán.

Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán

Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán bao gồm khoản tiền Công ty nhận từ các nhà đầu tư để thực hiện các giao dịch môi giới chứng khoán và quản lý tài khoản giao dịch chứng khoán cho nhà đầu tư, phải trả Trung tâm lưu ký chứng khoán về tiền mua chứng khoán của khách hàng và phải trả cho khách hàng tiền bán chứng khoán

7. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí hoạt động kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí hoạt động kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Hạch toán vào chi phí này là: Lãi uỷ thác vốn phải trả, chi phí thuê văn phòng và các chi phí phải trả khác.

8. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu.

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ:

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán:

Là khoản phí giao dịch chứng khoán mà công ty chứng khoán được hưởng từ các hoạt động môi giới kinh doanh chứng khoán cho nhà đầu tư được xác định khi dịch vụ môi giới hoàn thành.

Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn:

Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn bao gồm các khoản chênh lệch lãi bán chứng khoán tự doanh của công ty chứng khoán (được ghi nhận dựa trên Thông báo kết quả thanh toán bù trừ giao dịch chứng

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ARTEX

Địa chỉ: phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ kết thúc ngày 30/6/2014

khoản của Trung tâm lưu ký chứng khoán) và khoản thu lợi tức cổ phiếu, lãi trái phiếu, thu từ hoạt động góp vốn liên doanh, liên kết (lãi đầu tư cổ phiếu được ghi nhận trên báo cáo kết quả kinh doanh trên cơ sở thông báo chia lãi của tổ chức có cổ phần do công ty nắm giữ, lãi đầu tư trái phiếu và lãi từ hoạt động góp vốn liên doanh, liên kết được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh trên cơ sở dồn tích).

Doanh thu hoạt động tư vấn:

Doanh thu từ hoạt động tư vấn được ghi nhận trên báo cáo kết quả kinh doanh khi hoàn thành dịch vụ và khách hàng chấp nhận thanh toán.

Doanh thu hoạt động lưu ký chứng khoán:

Doanh thu từ hoạt động lưu ký chứng khoán cho nhà đầu tư được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi thực thu.

Doanh thu khác:

Doanh thu khác bao gồm doanh thu lãi tiền gửi ngân hàng, lãi uỷ thác đầu tư, hoàn nhập dự phòng các khoản đầu tư, doanh thu khác..., được ghi nhận trên Báo cáo Kết quả kinh doanh trên cơ sở dồn tích. Lãi thu được từ các hợp đồng mua bán chứng khoán có kỳ hạn được ghi nhận trên báo cáo kết quả kinh doanh khi thực thu.

10. Nguyên tắc ghi nhận chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp: là các khoản chi phí gián tiếp phục vụ cho hoạt động kinh doanh của Công ty. Mọi khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ đó khi chi phí đó không đem lại lợi ích kinh tế trong các kỳ sau.

11. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

12. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

Cơ sở lập báo cáo tài chính: Báo cáo tài chính được lập và trình bày dựa trên các nguyên tắc và phương pháp kế toán cơ bản: cơ sở dồn tích, hoạt động liên tục, giá gốc, phù hợp, nhất quán, thận trọng, trọng yếu, bù trừ và có thể so sánh.

Các bên liên quan: Một bên được xem là bên liên quan đến Công ty nếu có khả năng kiểm soát Công ty hay có ảnh hưởng trọng yếu đến các quyết định tài chính và hoạt động của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ARTEX

Địa chỉ: phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ kết thúc ngày 30/6/2014**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN.**

01.	Tiền	Đơn vị tính: VND	
		Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Tiền mặt		13.501.901	4.904.462
- Tiền gửi ngân hàng		6.330.681.172	4.698.236.501
+ Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán		1.223.630.366	4.523.727.883
+ Tiền gửi của Công ty		5.107.050.806	174.508.618
- Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán		1.844.027.008	7.644.773.842
Cộng		8.188.210.081	12.347.914.805

Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong kỳ

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Khối lượng GD thực hiện trong kỳ	Giá trị KLGĐ thực hiện trong kỳ
a. Cửa công ty chứng khoán	4.040	13.739.000
- Cổ phiếu	4.040	13.739.000
- Trái phiếu	0	0
- Chứng khoán khác	0	0
b. Cửa nhà đầu tư	24.484.360	387.548.955.000
- Cổ phiếu	24.484.360	387.548.955.000
- Trái phiếu	0	0
- Chứng khoán khác	0	0
Tổng cộng	24.488.400	387.562.694.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ARTEX

Địa chỉ: phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ kết thúc ngày 30/6/2014

02. Đầu tư ngắn hạn

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Số lượng		Giá trị theo số kế toán		Số với giá trị trường				Tổng giá trị theo giá thị trường		Ghi chú
	Cuối kỳ	Đầu kỳ	Cuối kỳ	Đầu năm	Tăng		Giảm		Cuối kỳ	Đầu năm	
					Cuối kỳ	Đầu kỳ	Cuối kỳ	Đầu năm			
I. Chứng khoán thương mại	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
II. Chứng khoán đầu tư	32.186	36.226	621.604.112	698.780.719	0	233.577.070	314.033.983	390.050.342	384.746.736		
I. Chứng khoán sẵn sàng để bán	32.186	36.226	621.604.112	698.780.719	0	233.577.070	314.033.983	390.050.342	384.746.736		(3)
- Có phiếu	0	0	0	0	0	0	0	0	0		
III. Đầu tư góp vốn	0	0	108.965.600.000	121.565.600.000	0	0	0	108.965.600.000	121.565.600.000		(1)
IV. Đầu tư tài chính khác	0	0	78.965.600.000	121.565.600.000	0	0	0	78.965.600.000	121.565.600.000		(2)
+ Công ty TNHH Newland Holdings VN	0	0	30.000.000.000	0	0	0	0	30.000.000.000	0		
+ Công ty Cổ phần FLC Golf & Resort	0	0	0	0	0	0	0	0	0		
Tổng cộng	32.186	36.226	109.587.204.112	122.264.380.719	0	233.577.070	314.033.983	109.355.650.342	121.950.346.736		

(1) Hợp đồng uỷ thác đầu tư số 15/2012/HĐUTĐT-FLCS ngày 20/12/2012 với Công ty TNHH Bất động sản SGINVEST (đã đổi tên thành Công ty TNHH Newland Holdings VN) về việc uỷ thác đầu tư số tiền 212.100.000.000 đồng trong thời hạn 3 tháng, lãi suất uỷ thác cố định là 12%/năm và không có tài sản đảm bảo.

Đến ngày 05/08/2014, Công ty TNHH Bất động sản SGINVEST đã chuyển trả toàn bộ số tiền nêu trên.

(2) Hợp đồng đầu tư vốn số 01/ART-G&R ngày 23/06/2014 với Công ty cổ phần FLC Golf & Resort số tiền 119.000.000.000 đồng trong thời hạn 3 tháng, lợi tức đầu tư vốn được tính dựa trên hiệu quả dự án.

(3) Thuyết minh chi tiết tại Phụ Lục 1

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ARTEX

Địa chỉ: phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ kết thúc ngày 30/6/2014

03. Các khoản phải thu

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Số đầu năm						Số PS trong kỳ			Số cuối kỳ			Số dự phòng	
	Trong kỳ		Số quá hạn		Số khó đòi		Tăng	Giảm	Trong kỳ	Số quá hạn	Số khó đòi			
	1	2	3	4	5	6	7	8	9					
A														
1. Phải thu của khách hàng	141.000.000	141.000.000	141.000.000	215.000.000	215.000.000	141.000.000	215.000.000	215.000.000	141.000.000	141.000.000	141.000.000	141.000.000	141.000.000	141.000.000
- Các đối tượng khác	141.000.000	141.000.000	141.000.000	215.000.000	215.000.000	141.000.000	215.000.000	215.000.000	141.000.000	141.000.000	141.000.000	141.000.000	141.000.000	141.000.000
2. Trả trước cho người bán	368.632.500	-	-	2.451.284.412	1.367.335.584	-	2.451.284.412	1.367.335.584	1.452.581.328	-	-	-	-	-
3. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	29.815.450.117	29.794.682.559	29.794.682.559	42.019.706	61.523.282	29.794.682.559	42.019.706	61.523.282	29.795.946.541	29.794.682.559	29.794.682.559	29.794.682.559	29.631.456.393	29.631.456.393
- Phải thu khách hàng về giao dịch chứng khoán	29.815.450.117	29.794.682.559	29.794.682.559	42.019.706	61.523.282	29.794.682.559	42.019.706	61.523.282	29.795.946.541	29.794.682.559	29.794.682.559	29.794.682.559	29.631.456.393	29.631.456.393
5. Phải thu khác	622.091.312	-	-	-	-	-	-	-	622.091.312	-	-	-	-	-
- Công ty Cổ phần FLC Golf & Resort - Lãi Ủy thác đầu tư	617.161.112	-	-	-	-	-	-	-	617.161.112	-	-	-	-	-
- Các khoản phải thu khác	4.930.200	-	-	-	-	-	-	-	4.930.200	-	-	-	-	-
Tổng cộng:	30.947.173.929	29.935.682.559	29.935.682.559	2.708.304.118	1.643.858.866	29.935.682.559	2.708.304.118	1.643.858.866	32.011.619.181	29.935.682.559	29.935.682.559	29.935.682.559	29.772.456.393	29.772.456.393

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ARTEX

Địa chỉ: phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ kết thúc ngày 30/6/2014

04. Chi phí trả trước ngắn hạn	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Phí dịch vụ Internet	99.179.000	10.247.000
- Chi phí thuê văn phòng	1.489.983.585	-
- Phần mềm máy tính	25.650.000	-
Cộng	1.614.812.585	10.247.000

05. Tài sản ngắn hạn khác	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Tạm ứng	99.544.132	15.176.332
Cộng	99.544.132	15.176.332

06. Tình hình tăng, giảm TSCĐ hữu hình

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng cộng
I. Nguyên giá TSCĐ hữu hình				
Số dư đầu năm	7.893.047.276	1.098.957.300	286.922.412	9.278.926.988
Số dư cuối kỳ	7.893.047.276	1.098.957.300	286.922.412	9.278.926.988
II. Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	7.748.605.140	1.098.957.300	286.922.412	9.134.484.852
- Khấu hao trong kỳ	71.136.000	-	-	71.136.000
Số dư cuối kỳ	7.819.741.140	1.098.957.300	286.922.412	9.205.620.852
III. Giá trị còn lại của TSCĐ HH				
- Tại ngày đầu năm	144.442.136	-	-	144.442.136
- Tại ngày cuối kỳ	73.306.136	-	-	73.306.136

07. Tình hình tăng, giảm TSCĐ vô hình

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Phần mềm tin học	TSCĐ vô hình khác	Tổng Cộng
I. Nguyên giá TSCĐ vô hình			
Số dư đầu năm	2.598.343.400	1.364.782.548	3.963.125.948
Số dư cuối kỳ	2.598.343.400	1.364.782.548	3.963.125.948
II. Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	2.598.343.400	1.364.782.548	3.963.125.948
Số dư cuối kỳ	2.598.343.400	1.364.782.548	3.963.125.948
III. Giá trị còn lại của TSCĐ VH			
- Tại ngày đầu năm	-	-	-
- Tại ngày cuối kỳ	-	-	-

08. Chi phí trả trước dài hạn	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	77.464.386	155.989.950
- Chi phí khác	-	60.558.566
Cộng	77.464.386	216.548.516

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ARTEX

Địa chỉ: phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ kết thúc ngày 30/6/2014

	<i>Số cuối kỳ</i>	<i>Số đầu năm</i>
09. Phải trả người bán		
- Công ty CP FLC Land	-	406.386.983
- Công ty Luật TNHH SMIC	191.159.100	191.159.100
- Các đối tượng khác	41.556.100	104.664.625
Cộng	232.715.200	702.210.708
10. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước		
- Thuế giá trị gia tăng	16.545.464	27.272.728
- Thuế thu nhập cá nhân	424.247.263	274.055.401
Cộng	440.792.727	301.328.129
11. Chi phí phải trả		
- Chi phí phải trả cho Hợp đồng uỷ thác quản lý vốn với bà Phạm Thị Thanh Thuý (1)	666.500.000	666.500.000
- Chi phí thuê văn phòng	-	2.890.000.000
- Chi phí tư vấn	172.425.000	172.425.000
Cộng	838.925.000	3.728.925.000
12. Các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn		
- Kinh phí công đoàn	24.562.966	15.892.183
- Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	41.363.673	49.566.873
- Phạm Thị Thanh Thuý (1)	30.000.000.000	30.000.000.000
- Các khoản khác	60.310.388	59.354.468
Cộng	30.126.237.027	30.124.813.524

(1) Lãi và gốc của Hợp đồng uỷ thác quản lý vốn số 92/2010/HĐUT/ARTEC-PTTT ngày 21/9/2010 và Phụ lục số 01 ngày 21/12/2010. Bên uỷ thác là bà Phạm Thị Thanh Thuý. Hợp đồng đã hết hạn ngày 21/1/2011 và chưa được gia hạn thêm.

13. Vốn chủ sở hữu**13.1 Tình hình tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu**

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Số đầu năm	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số cuối kỳ
I - Vốn chủ sở hữu				
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	135.000.000.000	-	-	135.000.000.000
2. Vốn khác của chủ sở hữu	-	-	-	-
3. Quỹ dự phòng tài chính	539.355.743	-	-	539.355.743
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	539.355.742	-	-	539.355.742
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	(54.453.855.331)	-	(7.891.282.841)	(62.345.138.172)
Tổng cộng	81.624.856.154	-	(7.891.282.841)	73.733.573.313

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ARTEX

Địa chỉ: phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ kết thúc ngày 30/6/2014

13.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Vốn góp khác của tổ chức và cá nhân	135.000.000.000	135.000.000.000
Cộng	<u>135.000.000.000</u>	<u>135.000.000.000</u>

13.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận	<u>Kỳ này</u>	<u>Năm trước</u>
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	135.000.000.000	135.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	0	0
+ Vốn góp giảm trong năm	0	0
+ Vốn góp cuối năm	135.000.000.000	135.000.000.000

13.3 Cổ phiếu	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	13.500.000	13.500.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	13.500.000	13.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	13.500.000	13.500.000
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
- Cổ phiếu phổ thông		
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	13.500.000	13.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	13.500.000	13.500.000
- Cổ phiếu ưu đãi		
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành	10.000	10.000

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH.

Đơn vị tính: VND

14. Doanh thu	<i>Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý này</i>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	1.188.168.649	1.016.154.313
- Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	417.397	493.893
- Doanh thu hoạt động tư vấn	195.454.536	272.727.272
- Doanh thu lưu ký chứng khoán	31.563.986	174.119.536
- Doanh thu khác	47.293.243	13.499.842.009
<i>Trong đó: Lãi uỷ thác đầu tư</i>	-	12.443.200.001
Cộng	<u>1.462.897.811</u>	<u>14.963.337.023</u>

15. Chi phí hoạt động kinh doanh	<i>Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý này</i>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chi phí môi giới kinh doanh chứng khoán	626.653.649	297.507.065
- Chi phí hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	64.737.607	757.052.315
- Chi phí dự phòng	(80.456.913)	13.141.689
- Chi phí khác	36.636.593	5.886.733.120
Cộng	<u>647.570.936</u>	<u>6.954.434.189</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ARTEX

Địa chỉ: phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ kết thúc ngày 30/6/2014**16. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<i>Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
- Chi phí nhân viên quản lý	1.048.934.457	2.048.120.783
- Chi phí khấu hao TSCĐ	71.136.000	158.662.300
- Thuế, phí, lệ phí	25.368.327	12.441.158
- Dự phòng	5.174.475.192	1.476.069.392
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.311.544.980	4.221.693.248
- Chi phí bằng tiền khác	151.234.465	133.521.000
Cộng	8.782.693.421	8.050.507.881

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC**1. Công cụ tài chính****1.1. Quản lý rủi ro vốn**

Công ty thực hiện quản trị nguồn vốn để đảm bảo rằng Công ty vừa có thể hoạt động vừa có thể tối đa hóa lợi ích của cổ đông thông qua việc sử dụng nguồn vốn có hiệu quả.

Cấu trúc vốn của Công ty bao gồm : Vốn điều lệ, thặng dư vốn cổ phần, các quỹ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

1.2. Tài sản tài chính

Tài sản tài chính là các tài sản mà qua đó Công ty có thể phát sinh các khoản thu nhập trong tương lai. Các tài sản này đã được xác định lại theo giá trị hợp lý tại ngày lập báo cáo tài chính.

	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý
- Tiền, các khoản tương đương tiền	8.188.210.081	8.188.210.081
- Đầu tư tài chính ngắn hạn	109.587.204.112	109.353.627.042
- Các khoản phải thu khách hàng	141.000.000	-
- Trả trước cho người bán	1.452.581.328	1.452.581.328
- Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	29.795.946.541	164.490.149
- Phải thu khác	622.091.312	622.091.312

1.3. Công nợ tài chính

Các khoản nợ tài chính đã được đánh giá lại theo dung quy định của Chuẩn mực kế toán hiện hành để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán của Công ty. Cụ thể các khoản phải trả người bán và các khoản vay có gốc ngoại tệ đều được đánh giá lại theo tỷ giá ngày lập báo cáo. Đồng thời các khoản chi phí đi vay, phải trả đã được ghi nhận trong kỳ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	Số dư ngày 30/06/2014
- Vay và nợ ngắn hạn dài hạn	-
- Phải trả người bán	232.715.200
- Người mua trả tiền trước	1.509.700.000
- Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	30.126.237.027
- Chi phí phải trả	838.925.000
- Phải trả khác	403.060.533

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ARTEX

Địa chỉ: phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ kết thúc ngày 30/6/2014

1.4. Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm: rủi ro thị trường và rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ này.

Rủi ro thị trường: Công ty liên tục nghiên cứu và theo dõi đối biến động giá cả các mã chứng khoán để đưa ra những quyết định mang lại lợi ích cho Công ty.

Rủi ro tín dụng: bao gồm rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất. Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để thanh toán cho các khoản nợ phải trả hiện tại và tương lai. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản đối với các khoản nợ phải trả hiện tại dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo việc duy trì một lượng tiền mặt đáp ứng tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn.

Đối tượng	Dưới 1 năm	Trên 1 năm	Tổng cộng
- Phải trả người bán	232.715.200		232.715.200
- Người mua trả trước	1.509.700.000		1.509.700.000
- Phải trả khác	403.060.533		403.060.533
- Chi phí phải trả	838.925.000		838.925.000
- Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	30.126.237.027		30.126.237.027

2. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính giữa niên độ kết thúc ngày 30/6/2013 và Báo cáo tài chính năm 2013 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Thăng Long – T.D.K.

3. Giao dịch với các bên liên quan phát sinh trong kỳ

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị giao dịch (VND)	
			Năm 2014	Năm 2013
Công ty TNHH Một thành viên FLC Land	Tổng Giám đốc FLC Land cũng là thành viên HĐQT của Công ty	FLC Land ứng trước hợp đồng cung cấp dịch vụ	0	550.000.000
		Công ty thanh toán tiền thuê nhà, phí dịch vụ năm 2014	1.972.671.395	12.134.200.000
		Cộng ty hoàn trả lại FLC land tiền ứng trước hợp đồng	500.000.000	0
Công ty TNHH Newland Holdings Việt Nam	Cổ đông lớn, Giám đốc của Công ty TNHH Newland Holdings Việt Nam cũng là thành viên HĐQT của Công ty	Thu tiền gốc hợp đồng HDUTĐT	42.600.000.000	90.534.400.000
		Lãi Công thu được phát sinh từ Hợp đồng Ủy thác đầu tư	0	6.150.900.000
Công ty cổ phần tập đoàn FLC	Tổng giám đốc FLC là thành viên hội đồng quản trị Công ty	FLC ứng trước hợp đồng cung cấp dịch vụ	1.311.000.000	0

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ARTEX

Địa chỉ: phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ kết thúc ngày 30/6/2014

		Thanh toán tiền thuế VP tại Hồ Chí Minh đến hết 2014	4.930.000.000	0
--	--	--	---------------	---

4. Số dư với các bên liên quan tại ngày cuối kỳ

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung số dư	Số tiền (VND)	
			Tại 30/06/2014	Tại 01/01/2014
Công ty TNHH Một thành viên FLC Land	Tổng Giám đốc FLC Land cũng là thành viên HĐQT của Công ty	FLC Land ứng trước tiền hợp đồng cung cấp dịch vụ	0	550.000.000
		Công ty trả trước tiền phí DV cho FLC Land	254.293.828	
Công ty TNHH Newland Holdings Việt Nam	Cổ đông lớn, Giám đốc của Công ty TNHH Newland Holdings Việt Nam cũng là thành viên HĐQT của Công ty	Gốc của HĐ Ủy thác đầu tư	78.965.600.000	121.565.600.000
Công ty Cổ phần tập đoàn FLC	TGD Công ty CP Tập đoàn FLC là thành viên HĐQT của Công ty	FLC ứng trước hợp đồng cung cấp dịch vụ	1.311.000.000	0

5. Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc đã chi trả trong kỳ:

Trong kỳ, Công ty chưa chi trả thù lao cho HĐQT, Ban kiểm soát.

Thù lao Ban Giám đốc chi trả trong kỳ

Các bên liên quan	Chức vụ	Số tiền (VND)
Ông Lưu Đức Quang	Tổng Giám đốc	69.066.667

Người lập


TRẦN THỊ THU HÀ

Phụ trách kế toán


TRẦN THỊ THU HÀ

Lập, ngày 28 tháng 07 năm 2014

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ARTEX Tổng Giám đốc

CHỨNG KHOÁN ARTEX

LƯU ĐỨC QUANG

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ARTEX

Địa chỉ: phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ kết thúc ngày 30/6/2014

PHỤ LỤC 1

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Số lượng		Giá trị theo số kế toán		So với giá thị trường		Tổng giá trị theo giá thị trường		Ghi chú
	Cuối kỳ	Đầu kỳ	Cuối kỳ	Đầu kỳ	Cuối kỳ	Đầu kỳ	Cuối kỳ	Đầu kỳ	
I. Chứng khoán thương mại									
- Cổ phiếu									
- Trái phiếu									
- Chứng chỉ quỹ									
- Chứng khoán khác									
II. Chứng khoán đầu tư									
1. Chứng khoán sẵn sàng để bán									
- Cổ phiếu	32.186	36.226	621.604.112	698.780.719	(233.577.070)	(314.033.983)	390.050.342	384.746.736	
EVE	32.186	36.226	621.604.112	698.780.719	(233.577.070)	(314.033.983)	390.050.342	384.746.736	
(ITASCO)	6	6	157.744	157.744	0	0	0	174.000	
BVS	5.000	5.000	110.000.000	110.000.000	0	0	110.000.000	110.000.000	
CIC	60	60	1.069.384	1.069.384	(295.384)	(391.384)	774.000	678.000	
CSC	82	82	697.500	697.500	0	(549.900)	697.500	147.600	
CTG	80	80	1.528.000	1.528.000	(768.000)	(792.000)	760.000	736.000	
DCS	3	3	69.646	69.646	(26.146)	(21.046)	43.500	48.600	
DIG	61	61	397.300	397.300	(43.500)	(159.400)	353.800	237.900	
DQC	7	7	127.797	127.797	(17.197)	(40.997)	110.600	86.800	
DTL	8	8	191.300	191.300	(53.900)	(38.500)	299.200	269.600	
EIB	7	7	121.100	121.100	0	0	67.200	82.600	
FPT	6	16	72.450	193.200	(9.400)	(8.400)	79.200	200.000	
GGG	2	2	102.600	102.600	0	0	93.200	94.200	
GMD	72	72	499.980	499.98	(370.380)	(370.380)	499.982	129.600	
HAP	6	6	141.600	141.600	0	0	204.000	201.600	
HBS	9	9	66.500	66.500	(7.100)	(7.100)	78.300	59.400	
HLA	70	70	917.000	917.000	(490.000)	(588.000)	427.000	329.000	
HLG	4	4	34.800	34.800	(24.400)	(16.400)	10.400	18.400	
	5	15	42.667	128.000	(17.667)	(42.500)	25.000	85.500	

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ARTEX

Địa chỉ: phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ kết thúc ngày 30/6/2014

HNM	50	50	395.000	395.000	(20.000)	0	375.000	400.000
HPC	66	66	483.556	483.556	(160.156)	(245.956)	323.400	237.600
HSG	6	6	86.400	86.400		0	264.000	247.800
HVT	32	32	255.000	255.000		0	553.600	476.800
ICG	88	88	1.037.600	1.037.600	(298.400)	(483.200)	739.200	554.400
ITA	4	4	52.800	52.800	(20.800)	(26.400)	32.000	26.400
KDC	1	1	44.500	44.500		0	60.000	51.000
KLS	95	95	1.344.500	1.344.500	(185.500)	(518.000)	1.159.000	826.500
KMR	4	14	23.543	82.400		0	26.800	99.400
LAF	6	6	113.400	113.400	(48.600)	(64.800)	64.800	48.600
MCG	5	5	64.500	64.500	(31.000)	(37.500)	33.500	27.000
MEC	50	50	572.500	572.500	(237.500)	(252.500)	335.000	320.000
MHC	5	5	27.000	27.000		(7.000)	58.000	20.000
NSC	1	1	33.900	33.900		0	78.500	77.000
PIT	5	5	54.000	54.000	(10.500)	(20.000)	43.500	34.000
POT	76	76	722.000	722.000		(167.200)	1.026.000	554.800
PPC	5	15	55.833	167.500		0	102.000	376.500
PTL	7	7	65.800	65.800	(44.800)	(45.500)	21.000	20.300
PVC	80	80	1.755.000	1.755.000	(331.000)	(611.000)	1.424.000	1.144.000
PVI	7	7	118.509	118.509		0	139.300	128.100
PVS	51	51	894.859	894.859		0	1.489.200	1.020.000
PVX	4	4	46.935	46.935	(30.135)	(35.335)	16.800	11.600
QNC	7	7	105.916	105.916	(61.816)	(68.116)	44.100	37.800
SD2	13	13	151.042	151.042	(48.342)	(40.542)	102.700	110.500
SD9	32	32	677.576	677.576	(267.976)	(277.576)	409.600	400.000
SDA	20	20	266.667	266.667	(154.667)	(118.667)	112.000	148.000
SDB	0	4.000	0	76.800.000		(69.200.000)	0	7.600.000
SDP	22	22	294.800	294.800	(151.800)	(162.800)	143.000	132.000
SEC	6	6	128.500	128.500	(57.100)	(40.000)	71.400	87.600
SHB	43	43	551.000	551.000	(133.900)	(258.600)	417.100	292.400
SHN	80	80	1.344.000	1.344.000	(984.000)	(1.080.000)	360.000	264.000
SHS	92	92	984.400	984.400	(174.800)	(441.600)	809.600	542.800
SJE	20	20	288.000	288.000		0	440.000	320.000
SJS	5	5	230.500	230.500	(141.000)	(138.000)	89.500	92.500
SRC	7	7	154.933	154.933	(3.733)	(18.433)	151.200	136.500

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ARTEX

Địa chỉ: phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ kết thúc ngày 30/6/2014

SSM	21	21	306.600	306.600	306.600	(81.900)	(123.900)	224.700	182.700
STB	4	4	54.464	54.464	54.464		0	82.400	68.800
TCM	2	2	35.000	35.000	35.000		0	55.000	41.200
TECHCOMBANK	25.348	25.348	487.009.600	487.009.600	487.009.600	(226.685.640)	(234.290.040)	260.323.960	252.719.560
TKC	93	93	1.062.500	1.062.500	1.062.500	(588.200)	(718.400)	474.300	344.100
TLH	9	9	66.600	66.600	66.600		0	80.100	67.500
V11	48	48	475.200	475.200	475.200		(422.400)	475.200	52.800
VCG	20	20	430.904	430.904	430.904	(168.904)	(228.904)	262.000	202.000
VCS	54	54	992.000	992.000	992.000	(230.600)	(279.200)	761.400	712.800
VNC	66	66	1.000.000	1.000.000	1.000.000	(62.800)	(148.600)	937.200	851.400
VPH	5	5	85.500	85.500	85.500	(44.000)	(43.000)	41.500	42.500
VSP	20	20	423.907	423.907	423.907	(371.907)	(393.907)	52.000	30.000

Người lập



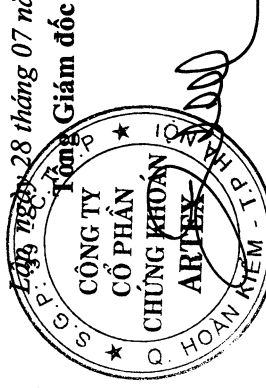
TRẦN THỊ THU HÀ

Phụ trách kế toán



TRẦN THỊ THU HÀ

Ngày 28 tháng 07 năm 2014



LƯU ĐỨC QUANG